TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Đào– Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thể

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Ông Tống Khánh Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường xét xử số 4, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 26/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Trần Thị L; sinh năm 1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: TDP 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện lao động tại Nhật Bản, (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Hữu Q; sinh năm 1983; địa chỉ: TDP 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng đề ngày 08 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hữu Q đăng ký kết hôn ngày 23/3/2012 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q là người bạo lực, thường xuyên đánh đập chị, gây rối gia đình bên nhà ngoại. Năm 2017, vợ chồng chị sống ly thân. Năm 2018 chị lao động tại Nhật Bản. Anh Q đã ngăn cản không cho chị gặp con, nhắn tin đe dọa chị. Nhận thấy, tình cảm thật sự không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Trần Nhã U, sinh ngày 07/10/2013 và Phạm Đức P, sinh ngày 09/12/2015. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Hữu Q trình bày thống nhất với chị L về thời điểm kết hôn, tuy nhiên, theo anh nguyên nhân gây mâu thuẫn vợ chồng là do chị L không chung thủy, có nhiều mối quan hệ bất chính. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc. Anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L nhưng chị L phải tham gia phiên tòa, không được phép vắng mặt.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L. Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phạm Hữu Q. Giao các con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị L hiện đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam, nên quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật TTDS năm 2015,

[1.2] Tại phiên tòa chị Trần Thị L vắng mặt, anh Phạm Hữu Q yêu cầu hoãn phiên tòa để buộc chị L phải có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, chị L đã có Đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Hữu Q đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/3/2012 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, trên cơ sở tự nguyện, đúng trình tự, quy định, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị L là do anh Q bạo lực, đánh đập chị, còn theo anh Q là do tính cách không chung thủy của chị L. Mặc dù, nguyên nhân gây mâu thuẫn vợ chồng được trình bày khác nhau nhưng cả hai đều xác định mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 và cắt đứt liên lạc từ đó đến nay.

HĐXX thấy rằng, tình cảm là tự nguyện, không thể gò bó, ép buộc. Rõ ràng, quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Q đã trầm trọng.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của chị L và anh Q không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, chị L và anh Q đã đồng thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, anh Q và chị L không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con*" Hội đồng xét xử

sẽ cân nhắc người nào đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn về vật chất và tinh thần để giao con chung cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Xét điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Phạm Hữu Q và chị Trần Thị L thì cả hai anh chị đều đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay chị Loan đang làm ăn và sinh sống ở nước ngoài; các cháu Phạm Trần Nhã U, Phạm Đức P đang sinh sống cùng với anh Phạm Hữu Q tại thị trấn Đ nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống cho các cháu, cần giao con chung cho anh Phạm Hữu Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu sau này, chị L có căn cứ chứng minh anh Q không thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung hoặc bản thân anh Q không đủ điều kiện chăm sóc các cháu thì có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.4] Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; , Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Hữu Q.

2. Về con chung: Giao các con chung Phạm Trần Nhã U, sinh ngày 07/10/2013 và Phạm Đức P, sinh ngày 09/12/2015 cho anh Phạm Hữu Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí : Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001306 ngày 20/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Thể **Nguyễn Thị Phương Nga** **Nguyễn Thị Bích Đào**

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Văn Hồng	**Nguyễn Thị Tùng Hoa**	**Trương Thị Lệ Thu**